

CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN Ý ĐỊNH HỌC CAO HỌC CỦA SINH VIÊN NGÀNH KINH TẾ TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

PHẠM XUÂN GIANG, NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO

*Trường Đại học Công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh
nptphao@iuh.edu.vn; phamxuanguang@iuh.edu.vn*

Tóm tắt. Thời gian gần đây tuyển sinh cao học và nghiên cứu sinh của trường Đại học Công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh có khuynh hướng giảm. Bởi vậy, việc nhận diện nguyên nhân, tìm cách gia tăng ý định học cao học của sinh viên ngay sau khi tốt nghiệp đại học-nguồn tuyển sinh cao học quan trọng- là một việc làm cần thiết. Trên cơ sở khảo sát 270 sinh viên năm 3 và 4 thuộc khối ngành kinh tế, kết quả xử lý dữ liệu điều tra trên phần mềm SPSS 20 cho thấy, thực sự có 4 yếu tố ảnh hưởng đến ý định học cao học của sinh viên kinh tế. Đó là: Chuẩn chủ quan, Thái độ đối với học cao học, Danh tiếng của Trường và Sự kiểm soát hành vi được cảm nhận.

Theo đó, 4 hàm ý quản trị được rút ra từ kết quả nghiên cứu. Những hàm ý này có thể được áp dụng để gia tăng ý định và tiếp theo là quyết định học cao học của sinh viên kinh tế sau khi tốt nghiệp đại học tại trường Đại học Công nghiệp TP.Hồ Chí Minh.

Từ khóa. IUH; TP.HCM; Sinh viên kinh tế; Năm 3 và 4; Cronbach' Alpha; EFA; Hồi quy đa biến

FACTORS AFFECTING THE INTENTION TO CONTINUE STUDYING AT MASTER LEVEL OF ECONOMICS STUDENTS AT THE INDUSTRIAL UNIVERSITY OF HOCHIMINH CITY

Abstract. Recently, the enrollments for master and PhD degree in the Industrial University of Hochiminh city tend to decrease. Therefore, identifying the cause, seeking solutions for increasing the student's intention to study the graduate level after undergraduate from University - an important source of graduate enrollments - is essential. Based on the survey of 270 3rd and 4th year students of the economic sector, the results of processing survey data on SPSS 20 software show that there are actually 4 factors affecting the intention of studying at the graduate level of the students of economic sector. These are: Subjective norms, Attitudes towards Graduate Studies, School's Reputation and Perceived Behavior Control. Accordingly, 4 managerial implications are drawn from the research results. These implications can be used to increase the intention and then the decision of studying graduate of economics students after graduating from Industrial University of Ho Chi Minh City.

Keywords. IUH, Hochiminh city, Economic Students, 3rd and 4th, Cronbach' Alpha, EFA, Multiple regression.

1. GIỚI THIỆU

Một số sinh viên nói chung, sinh viên thuộc khối ngành kinh tế của trường Đại học Công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh (IUH) nói riêng sau khi tốt nghiệp có nhu cầu học lên bậc cao học. Việc họ muốn học lên bậc cao hơn có thể vì nhiều lý do, như: để có thêm kiến thức, để dễ tìm kiếm việc làm, để có bằng cấp cao hơn hay vì yêu cầu của gia đình, rủi ro của bạn bè...

IUH là trường Đại học đa ngành, đa bậc học, trong đó, ngành kinh tế có 4 khoa, là: Quản trị kinh doanh (QTKD), Kế toán Kiểm toán (KTKT), Tài chính Ngân hàng (TCNH) và Thương mại Du lịch (TMDL). Trường có quy mô đào tạo hàng năm khoảng trên 40.000 sinh viên, học viên cao học và nghiên cứu sinh. IUH là trường Đại học tự chủ tài chính đầu tiên tại thành phố Hồ Chí Minh (TP.HCM) và đang từng bước phát triển để trở thành trường trọng điểm quốc gia. Tuy vậy, việc tuyển sinh trong những năm gần đây của IUH đã xảy ra tình trạng, số thí sinh dự tuyển vào bậc đại học tăng cao hàng năm nhưng số học viên cao học và nghiên cứu sinh lại có khuynh hướng giảm. Thậm chí, gần đây có ngành không tuyển sinh

được, còn khối ngành kinh tế, có lớp chỉ tuyển được 5-6 học viên. Trước tình trạng đó, việc tìm hiểu ý định học lên bậc cao học của sinh viên năm thứ ba và thứ tư ngành kinh tế, từ đó đề xuất các hàm ý quản trị nhằm làm tăng ý định và sau đó là quyết định học cao học của nhóm sinh viên này là điều cần thiết cho IUH. Chính vì vậy mục tiêu cụ thể của nghiên cứu là:

- Xác định các yếu tố ảnh hưởng đến ý định học cao học của sinh viên khối ngành kinh tế thuộc IUH
- Đo lường và kiểm định mức độ ảnh hưởng của chúng đến ý định học cao học
- Đề xuất một số hàm ý quản trị cho IUH nhằm tăng cường ý định học cao học của sinh viên khối ngành kinh tế

Để đạt được ba mục tiêu nghiên cứu trên đây, bài báo sử dụng hai phương pháp nghiên cứu chính:

- Phương pháp nghiên cứu định tính

Được thực hiện thông qua kỹ thuật thảo luận trực tiếp với 5 giảng viên và chuyên viên của IUH và 4 sinh viên học *năm* cuối của khối ngành kinh tế có ý định học thạc sĩ, dựa trên một dàn bài được thiết lập trước nhằm khám phá, điều chỉnh, bổ sung thang đo và biến quan sát

- Phương pháp nghiên cứu định lượng, gồm:

- Nghiên cứu định lượng sơ bộ

Dữ liệu dùng trong nghiên cứu này được điều tra thuận tiện từ 30 sinh viên kinh tế năm 3 và 4 có ý định học cao học, được kiểm định Cronbach's Alpha và phân tích nhân tố khám phá (EFA) nhằm mục đích đánh giá sơ bộ thang đo và biến quan sát. Ngoài ra, việc thực hiện bước nghiên cứu này còn là cơ sở để điều chỉnh từ ngữ, nội dung của bảng hỏi qua việc không hiểu hoặc hiểu không đồng nhất của những sinh viên được điều tra.

- Nghiên cứu định lượng chính thức

Được thực hiện bằng phần mềm SPSS 20 dựa trên dữ liệu điều tra từ 270 sinh viên khối ngành kinh tế có ý định học cao học nhằm xác định chính xác yếu tố nào thực sự có ảnh hưởng đến ý định học cao học và mức độ ảnh hưởng của chúng. Từ kết quả nghiên cứu, các hàm ý quản trị nhằm làm tăng ý định học cao học của sinh viên kinh tế được đưa ra để IUH tham khảo.

Vì khuôn khổ có giới hạn, nên nội dung của bài báo chỉ được thể hiện kết quả nghiên cứu định lượng chính thức.

2. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1 Cơ sở lý thuyết

Ý định là ý muốn làm một việc gì đó. Theo Ajzen (2002), ý định hành vi là hành động của con người được hướng dẫn bởi sự cân nhắc 03 yếu tố: niềm tin vào hành vi, niềm tin vào chuẩn mực và niềm tin vào sự kiểm soát. Các niềm tin này càng mạnh thì ý định thực hiện hành vi càng lớn.

Ý định học cao học là ý muốn và sự sẵn lòng của một cá nhân sẽ vào học bậc cao học nhằm đạt được học vị thạc sĩ. Theo Vietads (2016), học vị thạc sĩ trong tiếng Anh được gọi là Master. Đây là một học vị trên bậc cử nhân, dưới bậc tiến sĩ.

Lý thuyết hành vi hợp lý (TRA) được xây dựng bởi Ajzen và Fishbein (1975), lý thuyết hành vi có kế hoạch (TPB) được phát triển bởi Ajzen (1991), lý thuyết của Taylor và Todd (1995), Compeau và Higgins (1991), Moore và Benbasat (1992) là lý thuyết nền tảng cho vấn đề nghiên cứu.

Theo đó, đã có một số nghiên cứu tiêu biểu về ý định học, ý định chọn trường của các tác giả ngoài nước và trong nước sau đây:

Nghiên cứu của Chong & ctg (2014) đã chỉ ra ba yếu tố là Đặc điểm cá nhân; Cá nhân có ảnh hưởng quan trọng và Hỗ trợ tài chính có ảnh hưởng đến ý định của sinh viên tiếp tục theo học chương trình cao hơn tại Malaysia .

Nghiên cứu của Ng, S.F & ctg (2011) về các yếu tố ảnh hưởng đến ý định học lên tiến sĩ tại Malaysia. Theo đó, ý định học lên bậc tiến sĩ của sinh viên chịu ảnh hưởng của sáu yếu tố là Cơ hội nghề nghiệp; Đặc điểm cá nhân; Công việc liên quan đến kiến thức; Hỗ trợ tài chính; Chương trình đào tạo và Hỗ trợ xã hội.

Koe.W & Saring.S (2010) cho rằng có sáu yếu tố ảnh hưởng đến ý định theo học tại trường đại học công lập của sinh viên nước ngoài tại Malaysia. Sáu yếu tố đó là Vị trí của trường; Học phí thấp; Danh tiếng; Chương trình đào tạo; Cơ sở vật chất và Hình ảnh đất nước.

Nghiên cứu của Jager, J.W.D & Soontiens, W. (2009) về các yếu tố Hình ảnh và Sự kỳ vọng vào chương trình của các trường Đại học ở Nam Phi và Malaysia có hay không có ảnh hưởng đến việc chọn trường đại học tại 02 quốc gia này. Theo đó, có ba yếu tố là Việc quản lý danh tiếng của trường và quảng bá hình ảnh, Hỗ trợ học phí và Chất lượng dịch vụ có ảnh hưởng mạnh mẽ đến việc lựa chọn học lên đại học ở Nam Phi và Malaysia.

Nghiên cứu của Haur.L (2006) về các yếu tố ảnh hưởng đến ý định học lên cao hơn của học sinh Malaysia. Kết quả chỉ ra các yếu tố: Học phí; Chương trình đào tạo; Cơ sở vật chất của trường; Chất lượng chương trình học; Thông tin về trường và Ý kiến của những người ảnh hưởng đều có ảnh hưởng đến ý định học lên.

Nghiên cứu của Hồ Trúc Vi và Phan Trọng Nhân (2018) về ý định học cao học của sinh viên IUH. Kết quả nghiên cứu cho thấy, có bốn yếu tố ảnh hưởng đến ý định học cao học là Thái độ dẫn đến hành vi; Chuẩn chủ quan; Nhận thức kiểm soát hành vi và Trung thành thương hiệu.

Nghiên cứu của Phan Thị Thanh Thủy và Nguyễn Thị Minh Hòa (2017) về quyết định chọn chương trình theo học có yếu tố nước ngoài ở Đại học Kinh tế, Đại học Huế. Theo đó có bảy yếu tố ảnh hưởng đến quyết định chọn chương trình học của sinh viên là Nhóm tham khảo; Nhóm nhân tố phù hợp với sở thích và năng lực cá nhân; Nhóm nhân tố về danh tiếng của chương trình đào tạo; Nhóm nhân tố lợi ích về học tập; Nhóm nhân tố về cơ hội nghề nghiệp; Nhóm nhân tố về chi phí học tập và Nhóm nhân tố về công tác truyền thông.

Nghiên cứu của Nguyễn Thị Kim Chi (2017) về các yếu tố ảnh hưởng đến ý định chọn trường Đại học Kinh tế TP.HCM của học sinh trung học phổ thông. Kết quả nghiên cứu đã chỉ ra các yếu tố: Môi trường của trường đại học Kinh tế TP.HCM; Ảnh hưởng của gia đình; Thông tin; Tự tin vào bản thân; Động cơ cá nhân và Được tôn trọng có ảnh hưởng đến ý định chọn học trường này.

Căn cứ vào số lần xuất hiện của từng yếu tố trong các nghiên cứu trên đây kết hợp với kết quả nghiên cứu định tính và nghiên cứu định lượng sơ bộ, năm yếu tố sau đây (có chỉnh tên gọi) là: Thái độ đối với học cao học; Chuẩn chủ quan; Sự kiểm soát hành vi được cảm nhận; Danh tiếng của trường và Chương trình đào tạo được cân nhắc để đưa vào mô hình nghiên cứu chính thức.

2.2 Giả thuyết và mô hình nghiên cứu

2.2.1 Giả thuyết nghiên cứu

- *Thái độ đối với học cao học của sinh viên*

Thái độ đối với hành vi là mức độ mà một người đánh giá một hành vi là tích cực hoặc tiêu cực (Fishbein và Ajzen, 1975). Thái độ là một trạng thái tâm lý diễn tả sự đánh giá một chủ thể với các mức độ từ thích đến không thích (Eagly và Chaiken, 1993, trích Mitchell và Ring, 2010). Trong nghiên cứu này, thái độ được dùng để chỉ trạng thái tâm lý là thích hay không thích của sinh viên đối với việc học lên cao học. Rõ ràng thái độ của sinh viên có ảnh hưởng đến ý định học cao học của họ.

+ **Giả thuyết H1:** Thái độ đối với việc học cao học có tác động đồng biến (+) đến ý định học cao học.

- *Chuẩn chủ quan*

Chuẩn chủ quan được định nghĩa như là nhận thức của một người về những áp lực xã hội khiến người đó thực hiện hay không thực hiện các hành vi (Fishbein và Ajzen, 1975). Như vậy, chuẩn chủ quan là sự ảnh hưởng của các yếu tố bên ngoài, trước hết là hành động và lời khuyên của những người có liên quan. Với nghiên cứu này là hành động và lời khuyên của gia đình, thầy cô giáo và người thân,... đến sinh viên. Chính điều đó làm nảy sinh ý định học cao học của sinh viên sau khi tốt nghiệp đại học tại IUH.

+ **Giả thuyết H2:** Chuẩn chủ quan có tác động đồng biến (+) đến ý định học cao học.

- *Sự kiểm soát hành vi được cảm nhận*

Sự kiểm soát hành vi được cảm nhận đề cập đến nhận thức về sự dễ dàng hay khó khăn trong việc thực hiện các hành vi (Ajzen, 1991). Ajzen cho rằng sự kiểm soát hành vi là sự cảm nhận của cá nhân về mức

độ dễ hay khó thực hiện một hành vi cụ thể. Và Ông cũng cho rằng sự kiểm soát hành vi sẽ tác động lên ý định hoặc hành vi dựa trên các kỹ năng, tài nguyên và cơ hội để ngăn chặn, hoặc tạo điều kiện thuận lợi cho hành vi đó. Hành vi trong nghiên cứu này là ý định học cao học.

+ **Giả thuyết H3:** Sự kiểm soát hành vi được cảm nhận có tác động đồng biến (+) đến ý định học cao học.

- *Danh tiếng của trường*

Theo từ điển Việt-Việt thì danh tiếng là có tiếng tăm tốt và được nhiều người biết đến. Chắc chắn rất nhiều người thích được học và tiếp tục được học trong một viện, trường đại học danh tiếng, như: Harvard, Massachusetts, *Glasgow* hay là Cambridge. Chính Houston (1979), Krone et al. (1983) đều khẳng định yếu tố danh tiếng của trường có ảnh hưởng mạnh mẽ lên ý định chọn trường và ý định học lên bậc học cao hơn.

+ **Giả thuyết H4:** Danh tiếng trường đại học có tác động đồng biến (+) đến ý định học cao học.

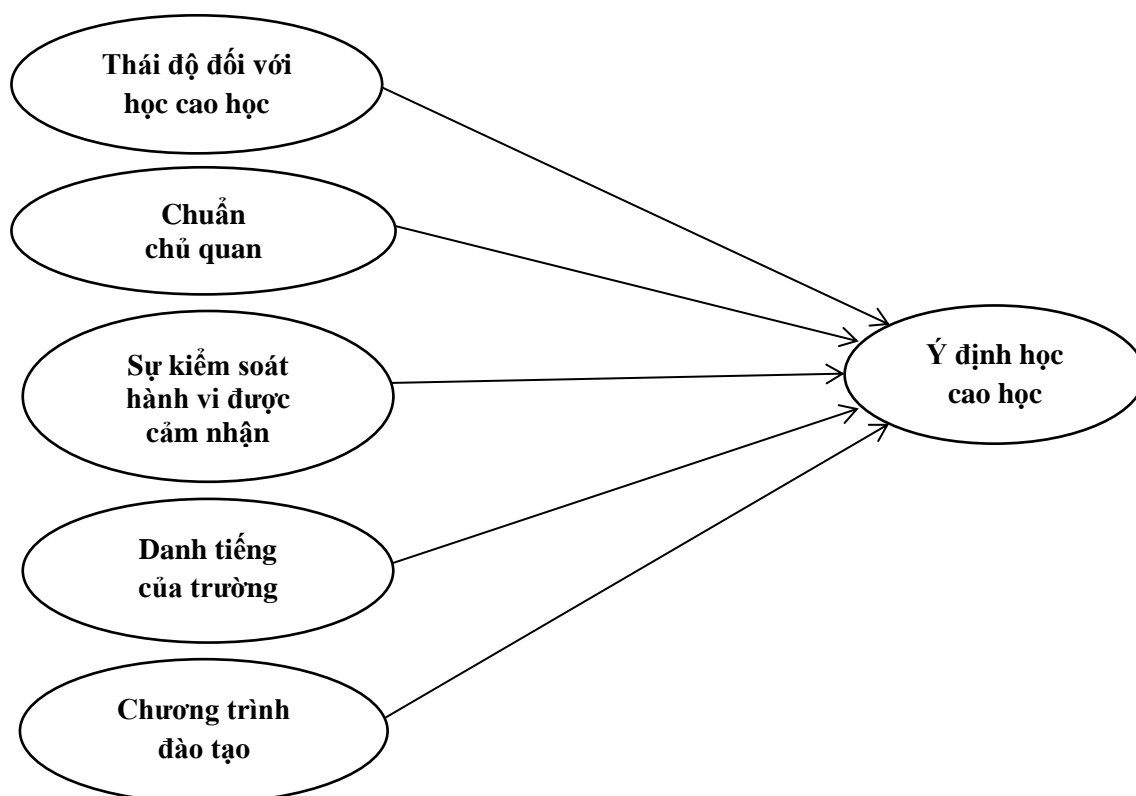
- *Chương trình đào tạo*

Theo Wikipedia tiếng Việt thì: “Chương trình đào tạo là sự tương tác được lên kế hoạch giữa người học với nội dung, tài liệu, những nguồn lực, và những quá trình giảng dạy nhằm đánh giá mức độ thành tựu của những mục *tiêu* giáo dục”. Krampf & Heinlein (1981) Seneca & TausSig (1987) đều cho rằng chương trình đào tạo rất quan trọng trong việc thu hút sinh viên. Một chương trình đào tạo tốt và đáp ứng được mục đích cá nhân sẽ làm nảy sinh ý định học cao học của sinh viên sau khi họ tốt nghiệp đại học.

+ **Giả thuyết H5:** Chương trình đào tạo có tác động đồng biến (+) đến ý định học cao học.

2.2.2 Mô hình nghiên cứu

Từ sự phân tích trên đây, mô hình nghiên cứu “Ý định học cao học của sinh viên ngành kinh tế thuộc IUH” được đề xuất như sau:



Sơ đồ 1. Mô hình nghiên cứu đề xuất

2.3 Biến quan sát của các thang đo

Từ 27 biến quan sát của sáu thang đo trong mô hình nghiên cứu, sau bước nghiên cứu định tính có ba biến bị loại. 24 biến còn lại, nguồn trích dẫn và cách mã hóa được thể hiện trong bảng dưới đây:

Bảng 1. Mã hóa thang đo và biến quan sát của thang đo

STT	MÃ HÓA	CÁC THANG ĐO VÀ BIẾN QUAN SÁT	NGUỒN
I.	TD	Thái độ đối với học cao học	
01	TD1	Tôi đã hướng tới việc học cao học từ trước	Ginner và Sorolla (1999)
02	TD2	Học cao học là xứng đáng với số tiền mà tôi phải chi trả	Chaniotakis và ctg. (2010)
03	TD3	Học cao học sẽ mang lại nhiều lợi ích cho bản thân	de Matos và ctg. (2007)
04	TD4	Học cao học là một lựa chọn đúng đắn cho bản thân	Limayem và ctg.(2000)
II.	CCQ	Chuẩn chủ quan	
05	CCQ1	Lựa chọn học cao học sau khi được nhiều người tư vấn, ủng hộ	Ajzen (1991)
06	CCQ2	Thấy nhiều người chọn học cao học nên tôi cũng chọn	Ajzen (1991)
07	CCQ2	Gia đình ủng hộ học cao học	Taylor và Todd (1995)
08	CCQ3	Bạn bè khuyên nên học cao học	Taylor và Todd (1995)
09	CCQ4	Thầy, cô khuyến khích học cao học	Taylor và Todd (1995)
III.	SKS	Sự kiểm soát hành vi được cảm nhận	
10	SKS1	Cảm thấy tự tin vào khả năng khi học cao học	Ajzen (1991)
11	SKS2	Có nhiều điều kiện thuận lợi khi học cao học	Ajzen (1991)
12	SKS3	Có đầy đủ thông tin cụ thể và chi tiết về việc học cao học	Taylor và Todd (1995)
IV.	DT	Danh tiếng của trường	
13	DT1	Trường có danh tiếng tốt về học thuật	Kitsaward (2013)
14	DT2	Trường có uy tín tốt về chất lượng đội ngũ giảng viên	Kitsaward (2013)
15	DT3	Trường có uy tín tốt về chất lượng đội ngũ sinh viên	Kitsaward (2013)
V.	CTDT	Chương trình đào tạo	
16	CTDT1	Trường có nhiều chương trình học và thời gian học khác nhau trong nhiều lĩnh vực	Kitsaward (2013)

17	CTDT2	Trường có môi trường đào tạo quốc tế vì có cả sinh viên và giảng viên người nước ngoài	Kitsaward (2013)
18	CTDT3	Trường có môi trường học tập và nghiên cứu tốt	Kitsaward (2013)
19	CTDT4	Trường có nhiều chương trình trao đổi sinh viên quốc tế	Kitsaward (2013)
20	CTDT5	Trường tư vấn và hỗ trợ người học nhiệt tình	Kitsaward (2013)
	YDH	Ý định học cao học	
21	YDH1	Tôi đã có kế hoạch học cao học	Ajzen (1991)
22	YDH2	Học cao học nằm trong ý định của tôi	Taylor và Todd (1995)
23	YDH3	Tôi sẽ học cao học trong thời gian sớm nhất có thể	Taylor và Todd (1995)
24	YDH4	Tôi thật sự mong đợi được học cao học	Limayem và ctg.(2000)

(Nguồn: Tổng hợp của nhóm tác giả)

Tóm lại: Tổng số biến quan sát được đưa vào nghiên cứu định lượng chính thức là 20 của 5 thang đo độc lập và 4 biến của 1 thang đo phụ thuộc.

2.4 Kết quả nghiên cứu

2.4.1 Xác định kích thước và cơ cấu mẫu

Kích thước mẫu: Theo Hair & ctg (2006) (được trích bởi Nguyễn Đình Thọ & ctg, 2011) thì kích thước mẫu tối thiểu *phải* là 100 với tỷ lệ 5:1 (nghĩa là 1 biến quan sát cần tối thiểu 5 đơn vị điều tra). Mô hình của nghiên cứu có 24 biến quan sát, vì vậy kích thước mẫu tối thiểu được xác định là $24 \times 5 = 120$.

Tuy nhiên, để tăng độ chính xác và đề phòng có phiếu điều tra không hợp lệ phải loại bỏ, kích thước mẫu của nghiên cứu được chọn là 270 sinh viên đang theo học năm thứ ba hoặc năm thứ tư thuộc bốn khoa QTKD, KTKT, TCNH và TMDL. Với 270 phiếu khảo sát được phát ra, kết quả có 255 phiếu hợp lệ, chiếm 94.4%. Mẫu được chọn theo phương pháp tỷ lệ tương ứng với số sinh viên của từng khoa thuộc khối ngành kinh tế, cụ thể: Tổng số sinh viên năm 3 và 4 của khối ngành kinh tế là 3,869 sinh viên; tỷ lệ chọn mẫu là $270/3,869 = 0.069785$; lấy tỷ lệ này nhân với tổng số sinh viên năm 3 và 4 của từng khoa sẽ xác định được số sinh viên được chọn ra để khảo sát. Cụ thể:

- Khoa QTKD = $0.069785 \times 867 = 60$ sinh viên.

- Tương tự, khoa KTKT là 77, khoa TCNH là 61 và khoa TMDL là 72 sinh viên được chọn để khảo sát.

Sinh viên năm 3 và 4 được chọn khảo sát trong từng khoa được thực hiện theo phương pháp thuận tiện theo lớp học.

Cơ cấu mẫu điều tra được xác định theo các biến kiểm soát: Giới tính (Nam, nữ); Ngành học (QTKD, KTKT, TCNH, TMDL); Năm học (3, 4) và Mức thu nhập (cao, trung bình, thấp) của gia đình sinh viên.

2.4.2 Kiểm định Cronbach's alpha

Kiểm định Cronbach's Alpha với mục đích là loại bỏ các thang đo và biến quan sát không đạt tiêu chuẩn. Cụ thể: (1)Thang đo bị *loại* khỏi mô hình nghiên cứu khi có hệ số Cronbach's Alpha < 0.6 ; và (2)Biến quan sát bị loại khỏi thang đo khi có hệ số tương quan biến tổng < 0.3 .

Kiểm định Cronbach's Alpha cho các thang đo độc lập: Trong 5 thang đo độc lập có 3 thang đo phải kiểm định Cronbach's Alpha *một lần*. Hai thang đo còn lại là “Chuẩn chủ quan-CCQ” và “Chương trình đào tạo-CTDT” phải kiểm định hai lần. Bởi vì, lần 1 thang đo CCQ có biến CCQ2 “Thấy nhiều người chọn học cao học nên cũng chọn học theo” và thang đo CTDT có biến CTDT4 “Trường có nhiều chương trình trao đổi sinh viên quốc tế” đều có hệ số tương quan biến tổng nhỏ hơn 0.3.

Bảng 2. Kết quả kiểm định Cronbach's Alpha

Biến quan sát	Trung bình thang đo nếu loại biến	Phương sai thang đo nếu loại biến	Tương quan biến - tổng	Hệ số Alpha nếu loại biến
<i>Thái độ đối với học cao học (TD): Cronbach's Alpha = 0.893</i>				
TD1	10.90	9.305	0.760	0.864
TD2	10.89	9.314	0.772	0.860
TD3	10.79	9.236	0.770	0.860
TD4	10.61	9.435	0.754	0.866
<i>Chuẩn chủ quan (CCQ): Cronbach's Alpha = 0.895 (chạy lần 2)</i>				
CCQ1	10.67	10.790	0.732	0.878
CCQ3	10.33	10.449	0.843	0.837
CCQ4	10.33	11.222	0.798	0.856
CCQ5	10.73	10.539	0.714	0.887
<i>Sự kiểm soát hành vi được cảm nhận (SKS): Cronbach's Alpha = 0.841</i>				
SKS1	6.09	2.323	0.714	0.777
SKS2	6.03	2.015	0.730	0.755
SKS3	5.98	2.078	0.682	0.804
<i>Danh tiếng (DT): Cronbach's Alpha = 0.899</i>				
DT1	6.35	2.212	0.832	0.829
DT2	6.55	2.438	0.786	0.867
DT3	6.50	2.574	0.788	0.867
<i>Chương trình đào tạo (CTDT): Cronbach's Alpha = 0.842 (chạy lần 2)</i>				
CTDT1	10.91	5.306	0.686	0.798
CTDT2	10.84	5.078	0.665	0.805
CTDT3	10.91	5.180	0.680	0.799
CTDT5	10.49	4.912	0.680	0.800

(Nguồn: Xử lý của nhóm tác giả)

Kiểm định Cronbach's Alpha cho thang đo phụ thuộc: Kết quả kiểm định thang đo phụ thuộc “Ý định học cao học-YDH” đạt yêu cầu. Cụ thể: hệ số Cronbach's Alpha là 0.890 > 0.6, đồng thời cả bốn biến quan sát đều đạt yêu cầu để đưa vào bước phân tích tiếp theo.

Tóm lại: Sau kiểm định Cronbach's Alpha, còn lại 18 biến quan sát của 5 thang đo độc lập và 4 biến quan sát của 1 thang đo phụ thuộc

2.4.3 Phân tích nhân tố khám phá (EFA)

Mục đích của phân tích này là nhằm loại những biến quan sát có hệ số tải nhân tố (factor loading) nhỏ hơn 0.5 và kiểm tra độ lớn của phương sai trích.

Phân tích EFA cho thang đo độc lập:

Bảng 3. KMO and Bartlett's Test

Kaiser-Meyer-Olkin Adequacy.	Measure of Sampling	.783
Bartlett's Test of Sphericity	Approx. Chi-Square	2,683.633
	df	153
	Sig.	.000

- Hệ số KMO bằng 0.783 > 0.5 nên phân tích nhân tố là phù hợp với dữ liệu thực tế.
- Kiểm định Bartlett có giá trị sig = 0.000 < 0.05 chứng tỏ các biến quan sát có tương quan với nhau trong tổng thể.
- Tại mức giá trị Eigenvalue 1.705 > 1 của phương pháp trích Principal Components, đã rút trích được 5 nhân tố từ 18 biến quan sát.
- Phương sai trích bằng 76.382% > 50%, có nghĩa là 76.382% sự biến thiên của dữ liệu được giải thích bởi 5 nhân tố.

Bảng 4. Ma trận xoay nhân tố

TT	Ký hiệu biến quan sát	Nhân tố được rút trích				
		1	2	3	4	5
1	CCQ3	0.916				
2	CCQ4	0.869				
3	CCQ1	0.833				
4	CCQ5	0.815				
5	TD2		0.874			
6	TD1		0.86			
7	TD3		0.842			
8	TD4		0.831			
9	CTDT5			0.831		
10	CTDT1			0.83		
11	CTDT3			0.81		
12	CTDT2			0.81		
13	DT1				0.92	
14	DT2				0.872	
15	DT3				0.869	
16	SKS2					0.878
17	SKS1					0.864
18	SKS3					0.847
Phương sai trích (%)						76.382
Eigenvalues		4.730	3.001	2.322	1.991	1.705

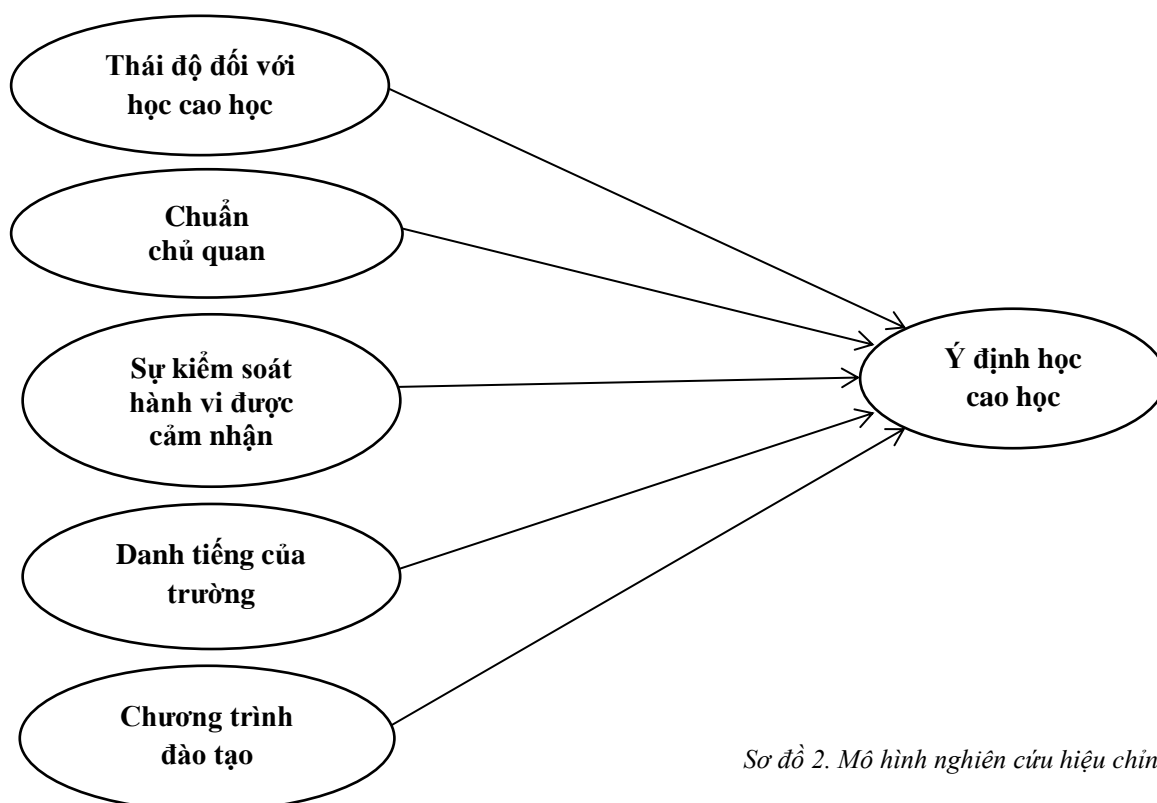
(Nguồn: Xử lý của nhóm tác giả)

Phân tích EFA cho thang đo phụ thuộc:

Kết quả phân tích cho thang đo phụ thuộc “Ý định học-YDH” có kết quả:

- Hệ số KMO bằng $0.829 > 0.5$ nên phân tích nhân tố là phù hợp với dữ liệu thực tế.
- Kiểm định Bartlett có giá trị sig = $0.000 < 0.05$, chứng tỏ các biến quan sát có tương quan với nhau trong tổng thể.
- Tại mức giá trị Eigenvalue $3.019 > 1$ của phương pháp trích Principal Components, đã rút trích được 1 nhân tố từ 4 biến quan sát.
- Phương sai trích là $75.464\% > 50\%$, thể hiện 75.464% sự biến thiên của dữ liệu được giải thích bởi 1 nhân tố.

Mô hình hiệu chỉnh sau bước phân tích EFA như sau:



Sơ đồ 2. Mô hình nghiên cứu hiệu chỉnh

2.4.4 Phân tích hồi quy đa biến

- Kết quả tương quan:

Bảng 5. Hệ số tương quan

Correlations							
		TD	CCQ	SKS	DT	CTDT	YDH
YDH	Pearson Correlation	.552**	.579**	.244**	.422**	.124*	1
	Sig. (2-tailed)	.000	.000	.000	.000	.047	
	N	255	255	255	255	255	255

Ghi chú: **: Tương quan có ý nghĩa ở mức 0,01 (2 phía)

(Nguồn: Tính toán của nhóm tác giả (trích))

Kết quả (trích) trong bảng trên cho thấy các biến độc lập đều có tương quan dương với mức ý nghĩa <0.05 . Cụ thể: Tương quan lớn nhất của YDH với CCQ bằng 57.9%, tiếp theo là với TD bằng 55.2%, với DT bằng 42.2%, với SKS bằng 24.4% và cuối cùng yếu nhất là với CTDT bằng 12.4%.

- *Kết quả hồi quy đa biến:*

Kết quả hồi quy lần 1 cho thấy, trong 5 biến độc lập thì biến “Chương trình đào tạo-CTDT” bị loại khỏi mô hình nghiên cứu vì Sig >0.05 . 4 biến còn lại đều có ảnh hưởng đến biến phụ thuộc với mức ý nghĩa <0.05 .

Bảng 6. Hệ số hồi quy lần 1

Mô hình		Hệ số chưa chuẩn hóa		Hệ số chuẩn hóa	t	Sig	Thống kê đa cộng tuyến	
		B	Std. Error	Beta			Tolerance	VIF
1	(hằng số)	0.104	0.238		0.439	0.661		
	TD	0.263	0.034	0.354	7.718	0.000	0.850	1.177
	CCQ	0.294	0.031	0.426	9.414	0.000	0.871	1.148
	SKS	0.096	0.046	0.091	2.079	0.039	0.933	1.072
	DT	0.188	0.045	0.192	4.174	0.000	0.846	1.181
	CTDT	0.084	0.044	0.083	1.923	0.056	0.959	1.043

(Nguồn: Tính toán của nhóm tác giả)

Kết quả hồi quy lần 2 như sau:

Bảng 7. Phương sai

Model		Sum of Squares	df	Mean Square	F	Sig.
1	Regression	76.760	4	19.190	75.978	.000 ^a
	Residual	63.144	250	.253		
	Total	139.904	254			

(Nguồn: Tính toán của nhóm tác giả)

Bảng trên cho thấy: $F=75.978$ và $Sig = 0.000 < 0.05$ chứng tỏ mô hình lý thuyết phù hợp với thực tế, các biến độc lập có tương quan tuyến tính với biến phụ thuộc.

Bảng 8. Giá trị của các hệ số xác định

Mô hình	R	R bình phương	R bình phương hiệu chỉnh	Sai số chuẩn ước lượng	Hệ số Durbin-Watson
1	.741 ^a	.549	.541	.5025692	1.897

(Nguồn: Tính toán của nhóm tác giả)

Bảng 8 cho thấy, hệ số tương quan của mô hình bằng 74.1% và hệ số xác định hiệu chỉnh bằng 54.1%. Điều này chứng tỏ 54.1% “Ý định học cao học” của sinh viên được giải thích bởi 4 biến độc lập. Đồng thời mô hình không có hiện tượng tự tương quan vì hệ số Durbin-Watson ($d=1.897$) nằm trong khoảng 1-3. Thêm nữa, kết quả kiểm định Spearman cho phép khẳng định, mô hình cũng không có hiện tượng phương sai phân dư thay đổi.

Bảng 9. Hệ số hồi quy

Model		Unstandardized Coefficients		Standardized Coefficients	t	Sig.	Collinearity Statistics	
		B	Std. Error	Beta			Tolerance	VIF
1	(Constant)	.368	.195		1.882	.061		
	TD	.269	.034	.363	7.917	.000	.859	1.164
	CCQ	.287	.031	.415	9.196	.000	.885	1.129
	SKS	.098	.046	.092	2.103	.036	.934	1.071
	DT	.199	.045	.203	4.426	.000	.860	1.163

(Nguồn: Tính toán của nhóm tác giả)

Phương trình hồi quy tuyến tính với hệ số beta chuẩn hóa từ bảng trên có dạng:

$$YDH = 0,415 * CCQ + 0,363 * TD + 0,203 * DT + 0,092 * SKS$$

Bảng 9 cũng cho thấy, hệ số VIF < 10 (nằm trong khoảng từ 1.071 đến 1.164) chứng tỏ dữ liệu nghiên cứu không có hiện tượng đa cộng tuyến. Giả thuyết H5 bị bác bỏ, bốn giả thuyết còn lại là H1, H2, H3 và H4 đều được chấp nhận. Bốn biến độc lập tương ứng có tác động thuận chiều lên biến phụ thuộc.

3. THẢO LUẬN KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ MỘT SỐ HÀM Ý QUẢN TRỊ

3.1 Thảo luận kết quả nghiên cứu

Số phiếu khảo sát của nghiên cứu là 270, hợp lệ 255 chiếm 94.4%. Kết quả xử lý dữ liệu cho thấy, có bốn yếu tố thực sự ảnh hưởng đến ý định học cao học của sinh viên năm 3 và 4 thuộc khối ngành kinh tế. Thứ tự ảnh hưởng của chúng là: (1) Chuẩn chủ quan, (2) Thái độ đối với học cao học, (3) Danh tiếng của Trường và (4) Sự kiểm soát hành vi được cảm nhận.

Kết quả của nghiên cứu này phù hợp với kết quả nghiên cứu của Hồ Trúc Vi và Phan Trọng Nhân (2018), Nguyễn Thị Kim Chi (2017), Chong & ctg (2014), Koe.W & Saring.S (2010) và Haur. L (2006). Tuy nhiên, do thời gian và địa điểm nghiên cứu, số biến trong mô hình nghiên cứu, kích thước mẫu khác nhau nên mức độ ảnh hưởng của từng yếu tố giữa các nghiên cứu là không thể giống nhau.

Yếu tố Chương trình đào tạo không ảnh hưởng đến ý định học cao học của sinh viên năm 3 và 4 trong mẫu nghiên cứu có thể là do sinh viên quan tâm nhiều hơn đến bằng thạc sĩ mà ít quan tâm đến việc sẽ được kiến thức gì trong học cao học hoặc chương trình này không khác nhiều so với chương trình đào tạo đại học mà họ vừa học xong...

3.2 Một số hàm ý quản trị

3.3.1 Hàm ý đối với yếu tố “Chuẩn chủ quan-CCQ”

Đây là yếu tố ảnh hưởng mạnh nhất đến ý định học cao học của sinh viên kinh tế với beta bằng 0.415. Vì vậy, hàm ý cho yếu tố này là tìm cách tác động không chỉ đối với sinh viên mà còn đối với gia đình, người thân và bạn bè của họ về lợi ích của việc học cao học. Để từ đó, các đối tượng này động viên, khuyến khích con, em, bạn bè mình tiếp tục học lên. Muốn vậy, khi quảng bá trực tiếp hay trực tuyến công tác tuyển sinh đại học, IUH nên kết hợp với việc quảng cáo các chương trình cao học.

Và hơn thế nữa, trong giờ giải lao hoặc sắp kết thúc môn học, giảng viên của IUH cần tranh thủ ít phút nói về lợi ích và từ đó khuyến khích, động viên sinh viên năm 3 và 4 học cao học sau khi đã tốt nghiệp đại học. Sự tác động của những đối tượng này sẽ hình thành một khuynh hướng ứng xử mới, làm nảy sinh ý định học cao học của sinh viên.

3.3.2 Hàm ý đối với yếu tố “Thái độ đối với học cao học-TD”

Kết quả nghiên cứu cho thấy biến “Thái độ đối với học cao học” có ảnh hưởng mạnh thứ hai đến ý định học cao học của sinh viên với beta bằng 0.363. Bởi vậy, IUH cần thông tin đến sinh viên về lợi ích

của việc học lên, *như*: học cao học là một sự đầu tư đúng đắn cho tương lai, học cao học sẽ nâng cao trình độ chuyên môn, dễ được thăng tiến trong công việc và rất thuận lợi vì được tiếp tục học tập ngay sau khi tốt nghiệp đại học... Khi có những thông tin này, chắc chắn sẽ dần hình thành nơi sinh viên một thái độ tích cực là tiếp tục học cao học.

Nhưng “trăm nghe không bằng mắt thấy”, IUH nên sử dụng những em sinh viên chuyển tiếp học cao học tại trường làm hình ảnh khuyến khích sinh viên năm 3 và 4 tiếp tục học lên. Điều này càng có ảnh hưởng khi thực hiện trong các buổi giới thiệu chương trình học của năm cuối và định hướng nghề nghiệp cho sinh viên sau khi ra trường.

3.3.3 Hàm ý đối với yếu tố “Danh tiếng của trường-DT”

Đây là yếu tố ảnh hưởng mạnh thứ ba đến ý định học cao học của sinh viên với beta bằng 0.203. Ngoài ra, đánh giá của sinh viên về danh tiếng của IUH chỉ ở mức độ trung bình (Mean=3.2). Theo đó, để phát triển danh tiếng, IUH đang đẩy mạnh kiểm định quốc tế các chương trình giảng dạy, phấn đấu đến năm 2022 tất cả các chương trình của trường được kiểm định đạt kết quả. Song song đó, trường cần tạo điều kiện tốt nhất *cho* giảng viên được đi học thêm, tuyển dụng giáo viên có học vị tiến sĩ, ký hợp đồng với một số giảng viên quốc tế có uy tín vào trường giảng dạy, hướng dẫn tốt nghiệp,... khuyến khích cả bằng vật chất và tinh thần cho những giảng viên có bài báo được đăng trên các tạp chí quốc tế có uy tín; đẩy mạnh đấu thầu các đề tài khoa học cấp Thành phố, Bộ và cấp Nhà nước; tham gia giải quyết những vấn đề thực tế về kinh tế, kỹ thuật mới nảy sinh trong xã hội; nâng cấp giáo trình và bài giảng; cải tạo cơ sở vật chất hiện có, đẩy nhanh tiến độ xây dựng trường mới tại quận 12 mang tầm quốc gia và quốc tế.

Bên cạnh đó, các khoa, viện của IUH cần xác định chính xác tỷ lệ sinh viên của đơn vị mình sau tốt nghiệp có *việc* làm, đồng thời liên hệ chặt chẽ với doanh nghiệp, tổ chức có sử dụng sinh viên để nhận biết điểm mạnh, yếu của họ. Trên cơ sở đó, các khoa, viện cần cập nhật và điều chỉnh chương trình đào tạo một cách phù hợp, sát với yêu cầu của thực tiễn.

3.3.4 Hàm ý đối với yếu tố “Sự kiểm soát hành vi được cảm nhận”

Đây là yếu tố ảnh hưởng yếu nhất đến ý định học cao học của sinh viên với beta bằng 0.92 và được sinh viên đánh giá ở mức trung bình (Mean=3.0). Điều này có nghĩa, sinh viên chưa thật tự tin vào khả năng của bản thân để học cao học và thiếu thông tin cụ thể về chương trình học.

Để sinh viên có thể tự tin hơn vào khả năng học cao học cần phải có sự động viên, khích lệ của thầy, cô giáo, gia đình và người thân. Phải cho họ thấy rằng, việc tiếp tục học cao học sau khi tốt nghiệp đại học đối với họ là thuận lợi hơn so với những học viên khác. Sự thuận lợi này bao gồm, họ được liên tục học tập tại trường, quen *thầy*, cô, quen bạn bè và đã “quen” học. Sự đứt quãng trong học tập làm cho người ta cảm thấy khó khăn hơn khi đi học trở lại. Chính vì vậy, những sinh viên học cao học ngay sau khi tốt nghiệp đại học thường có kết quả học tập cao hơn những học viên khác trong cùng một lớp.

Nếu sinh viên kinh tế năm 3 và 4 biết được điều đó, cộng thêm việc họ có đầy đủ, cụ thể và chi tiết thông tin học cao học từ sự cung cấp, quảng bá của các khoa chuyên ngành, phòng Sau đại học, phòng Đào tạo sẽ thúc đẩy họ quyết tâm học cao học trong thời gian tới tại trường.

4. HẠN CHẾ VÀ HƯỚNG NGHIÊN CỨU TIẾP THEO

Thứ nhất, kích thước mẫu điều tra chưa lớn và nghiên cứu chỉ thực hiện cho riêng khối ngành kinh tế của IUH.

Thứ hai, mức độ phù hợp của mô hình chưa cao chỉ với 54.1%, chứng tỏ còn những yếu tố khác ảnh hưởng đến ý định học cao học mà chưa được đưa vào mô hình nghiên cứu.

Thứ ba, việc lấy mẫu được thực hiện qua hai bước. Bước một, chọn số lượng sinh viên khảo sát của từng khoa trong số bốn *khoa* thuộc khối ngành kinh tế theo phương pháp tỷ lệ. Nhưng đến bước hai, khảo sát sinh viên trong từng khoa lại được thực hiện theo phương pháp thuận tiện, phi xác suất. Với cách chọn mẫu như ở bước *thứ* hai có thể làm ảnh hưởng đến tính đại diện của mẫu nghiên cứu.

Do đó, hướng nghiên cứu tiếp theo là tăng cường tính đại diện của mẫu nghiên cứu bằng cách tăng kích thước mẫu và lấy mẫu sinh viên để điều tra trong bước hai cũng thực hiện theo phương pháp tỷ lệ dựa trên tổng số sinh viên năm 3, năm 4 của từng khoa và sĩ số của mỗi lớp học. Đồng thời chọn, đưa thêm vào

mô hình nghiên cứu một số yếu tố mới và tiến hành nghiên cứu trên phạm vi toàn trường. Kết quả là các hàm ý quản trị sẽ có tính phổ quát cao hơn cho cả trường Đại học Công nghiệp TP.Hồ Chí Minh.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Ajzen. I & Fishbein. (1975). *Belief, attitude, intention and behaviour: An introduction to theory and reasearch.* Reading, Mass: Addison – Wesley.
- [2] Ajzen. I. (1991). The theory of planned behaviour: Organizational behavior and human decision process. *Science Direct*, 50 (2), 179 – 211
- [3] Ajzen, I. (2002). Perceived Behavioral Control, Self-Efficacy, Locus of Control, and the Theory of Planned Behavior. *Journal of Applied Social Psychology*, 32, 665-683.
- [4] Chong.C, Lin.L, Chuen. L, Chai.T & Yi. Y. (2014). A study on factors influencing students' intention to pursue higher education. Malaysia: Tunku Abdul Rahman university.
- [5] Compeau, Deborah and Christopher Higgins. (1991). The Development of a Measure of Computer Self-Efficacy. *ASAC 1991 Conference*, 34-48.
- [6] Durbin, J. and Watson, G.S. (1951). Testing for Serial Correlation in Least Squares Regression. II. *Biometrika*, 38, 159-177.
- [7] Eagly, A. H., & Chaiken, S. (1993). *The Psychology of Attitudes.* Orlando, FL: Harcourt Brace Jovanovich College Publishers.
- [8] Hair, J., Black, W., Babin, B., Anderson, R. and Tatham, R. (2006). *Multivariate Data Analysis (6th ed).* Pearson Prentice Hall, Upper Saddle River.
- [9] Haur. L. (2009). Higher education marketing concerns: Factors influencing Malaysia students' intention to study at higher educational institutions. Malaysia: University of Malaya.
- [10] Hồ Trúc Vi và Phan Trọng Nhân. (2018). *Tạp chí Khoa học Đại học Đà Lạt*, 8 (18), 23 – 27.
- [11] Houston. M (1979). Cognitive structure and information search patterns of prospective graduate business students. *Advance in consumer research*, 7, 552.
- [12] Jager, J.W.D & Soontiens, W. (2009). The image and Academic Expectations of South African and Malaysian University students. *International Journal of Business Excellence*. 2(3 – 4), 285 – 300.
- [13] Koe.W & Saring.S. (2010). Factors Influencing the Foreign Undergraduates' Intention to Study at Graduate School of a Public University. *Journal Kemanusiaan Bil*, 19, 57 – 65.
- [14] Krampf, P.F. & Heinlein. (1981). Developing marketing strategy and tactics in higher education through target market research. *Decision Sciences*, 12 (2), 175 – 193.
- [15] Kron, F., Gilly, M. Zeithaml, V & Lamb, C. (1983). Factor influencing the Graduate Business school decision. *American marketing association educator's proceedings.* Chicago: IL.
- [16] Moore, Gary and Izak Benbasat. (1992). Development of an Instrument to Measure the Perceptions of Adopting an Information Technology Innovation. *Information Systems Research*, 2 (3), 192-222.
- [17] Ng, S.F, Nik Muhd, N.M, K.A, and Ismail, N. (2011). Influential factors to pursue doctorate degree in Malaysia. *Procedia social and behavirol sciences* 15, 2028-2032.
- [18] Nguyễn Thị Kim Chi. (2017). Các yếu tố ảnh hưởng đến ý định chọn trường Đại học Kinh tế TP.HCM của học sinh Trung học Phổ thông. TP.HCM: Trường Đại học Kinh tế Tp.HCM.
- [19] Nunnally, J. C., & Bernstein, I. H. (1994). *Psychometric theory (3rd ed.).* New York: McGraw-Hill.
- [20] Phan Thị Thanh Thủy và Nguyễn Thị Minh Hòa. (2017). Các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định Chọn theo học chương trình đào tạo có yếu tố nước ngoài ở trường Đại học Kinh tế, Đại học Huế. *Tạp chí khoa học – Đại học Huế*, 126 (5A), 29-42.
- [21] Seneca, J & TausSig, M (1987). The effect of tuition and financial aid on the enrolment decision at a State university. *Research in higher education*, 26, 337.

- [22] Taylor, S., & Tood, P. (1995). Decomposition and crossover effects in the theory of planned behavior: A study of consumer adoption intentions. *International Journal of Research in Marketing*, 12, 137-156.
- [23] Trường Đại học Công nghiệp TP. Hồ Chí Minh (2018). Số liệu nội bộ của Phòng Đào tạo 2018.
- [24] Trường Đại học Công nghiệp TP. Hồ Chí Minh (2018). Giới thiệu Trường Đại học Công nghiệp TP. Hồ Chí Minh. Truy xuất từ: <http://iuh.edu.vn/vi/gioi-thieu-chung-s87.html>.
- [25] Trường Đại học Công nghiệp TP. Hồ Chí Minh (2018). Tầm nhìn - Sứ mạng - Mục tiêu chiến lược. Truy xuất từ: <http://iuh.edu.vn/vi/tam-nhin-su-mang-muc-tieu-chien-luoc-s14.html>.
- [26] VietAds. (2016). Cao học là gì? Tìm hiểu về Cao học? Truy xuất từ <https://vietadsgroup.vn/hoi-dap-la-gi/thac-si-la-gi-tim-hieu-ve-thac-si-la-gi--c62d10159.aspx>.

Ngày nhận bài: 24/07/2019

Ngày chấp nhận đăng: 05/08/2019